TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 578/2026/QĐST-HNGĐ	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 371/2026/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

Ông Mai Hùng A, sinh năm 1970, CCCD 051070020139 do Cục C về TTXH cấp ngày 14/5/2023;

Địa chỉ: Thôn C, xã A, tỉnh Quảng Ngãi

Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1978, CCCD 038178015342 do Cục C về TTXH cấp ngày 13/5/2023;

Địa chỉ: 2 Â, Khu phố C, phường T, TP ..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 78, ngày 15/12/20217 của Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (UBND xã A, tỉnh Quảng Ngãi) thì quan hệ hôn nhân giữa ông Mai Hùng A và bà Nguyễn Thị Ngọc M là hợp pháp, phù hợp với Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Mai Hùng A và bà Nguyễn Thị Ngọc M cùng thống nhất trình bày: Ông bà tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 78 do Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (UBND xã A, tỉnh Quảng Ngãi) cấp ngày 15/12/2017. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, tính cách không phù hợp, dù cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng không còn tiếng nói chung, không có sự yêu thương, quan tâm, chia sẻ. Nay nhận thấy cuộc sống chung không còn ý nghĩa, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà cùng thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa công nhận sự thỏa thuận ly hôn của ông bà.

[3] Về con chung: Có 02 con chung là Mai Thiên Ý, sinh ngày 08/7/2005 (đã trưởng thành) và Mai Đức T, sinh ngày 25/9/2012. Ly hôn cả hai thỏa thuận bà Nguyễn Thị Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Đ, ông Mai Hùng A sẽ cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 6/2026 cho đến khi con chung thành niên.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Xét thấy, yêu cầu thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Tòa án công nhận.

[7] Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Ngọc M tự nguyện chịu lệ phí 300.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Hùng A và bà Nguyễn Thị Ngọc M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là Mai Thiên Ý, sinh ngày 08/7/2005 và Mai Đức T, sinh ngày 25/9/2012. Ly hôn bà Nguyễn Thị Ngọc M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Đ, ông Mai Hùng A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 6/2026 cho đến khi con chung thành niên. Trẻ Thiên Ý1 đã thành niên không yêu cầu Tòa xem xét. Hai bên thỏa thuận tiền cấp dưỡng sẽ được chuyển vào tài khoản số: 060250763010 của Ngân hàng TMCP S (S1), chủ tài khoản: Nguyễn Thị Ngọc M.

Trường hợp ông Mai Hùng A chậm thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì ông Hùng A phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị Ngọc M tự nguyện chịu được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí bà đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0021251 ngày 06/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND khu vực 4 TP.HCM;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- UBND xã An Phú, Quảng Ngãi;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hải Sâm